

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2025
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ – TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trần Mạnh Trường

2. Ông Lê Hữu Vị

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Phương Thuý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng Miên- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Trần Linh L, sinh ngày 07/12/2003

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

2- Bị đơn: Anh Lỗ Ngọc L1, sinh ngày 04/6/2001

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2025 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Linh L trình bày: Chị kết hôn với anh Lỗ Ngọc L1 vào ngày 25/4/2023, trước khi cưới được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi cưới, chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh L1 ngay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không bảo ban được nhau, anh L1

không chịu làm ăn, chơi bời, nợ nần nhiều, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau. Đến tháng 02/2025 vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L1.

Về con chung: Chị và anh L1 có 01 con chung là Lỗ Ngọc Gia H, sinh ngày 20/9/2023. Hiện nay cháu đang ở với chị và anh L1. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh L1 đóng góp nuôi con chung cùng chị là 3.000.000đ/tháng, kể từ tháng 07/2025 đến khi con đủ 18 tuổi. Chị hiện đang làm lao động tự do, thu nhập 8.000.000 đồng/tháng và sau khi ly hôn chị sẽ về ở cùng bố mẹ đẻ của chị tại thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lỗ Ngọc L1 vắng mặt tại phiên toà, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, hòa giải tại Tòa án, bị đơn anh Lỗ Ngọc L1 trình bày: Anh xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như chị L1 trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, anh không biết lý do vì sao chị L1 làm đơn xin ly hôn, hiện nay vợ chồng anh vẫn chung sống cùng nhà với nhau. Việc chị L1 cho rằng anh không chịu đi làm, chơi bời, nợ nần là không đúng. Nay anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, chị L1 xin ly hôn anh không đồng ý, anh xin đoàn tụ.

Về con chung: Như chị L1 trình bày là đúng. Nếu ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị L1 đóng góp nuôi con chung cùng. Hiện nay anh đang làm nghề lao động tự do, thu nhập khoảng 1 0.000.000 đồng/tháng và đang sống cùng bố mẹ đẻ ở thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của chị L1 trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn là anh Lỗ Ngọc L1 vắng mặt tại phiên toà không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Linh L, cho chị L được ly hôn anh L; đề nghị giao cho chị L trực tiếp nuôi con, anh L phải đóng góp nuôi con chung cùng chị L từ 1.500.000đ đến 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 07/2025 đến khi con đủ 18 tuổi; tài sản chung, tài sản riêng, công nợ,

công sức: không yêu cầu nên không đề nghị xem xét; án phí: chị L phải chịu án phí ly hôn, anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Trần Linh L và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và Gia đình là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn trong vụ án là anh Lỗ Ngọc L1 có địa chỉ cư trú tại xã Đ, huyện S nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Linh L và anh L2 Ngọc L1 là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo như chị L1 trình bày thì vợ chồng kết hôn và có thời gian ngắn chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó do vợ chồng không bảo ban được nhau, không yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng và ly thân nhau từ tháng 02 năm 2025 cho đến nay. Chị L1 xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị xin ly hôn anh L1. Anh L3 cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì và xin đoàn tụ.

Căn cứ vào trình bày của các đương sự và kết quả xác minh, xét mâu thuẫn của vợ chồng của chị L3 và anh L3 đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau và làm cho cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh L3 cho rằng vẫn còn tình cảm vợ chồng, xin được đoàn tụ nhưng trong suốt quá trình vợ chồng sống ly thân, vợ chồng không có biện pháp hòa giải để hàn gắn về đoàn tụ, việc anh L3 xin đoàn tụ chỉ nhằm mục đích kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Do vậy đề nghị xin ly hôn của chị L3 là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị L3 và anh L3 đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung. Trường hợp ly hôn, cả hai đều xin trực tiếp nuôi con, chị L3 yêu cầu anh L3 đóng góp nuôi con chung cùng là 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 07/2025 đến khi con đủ 18 tuổi, anh L3 không yêu cầu chị L3 phải đóng góp nuôi con chung cùng.

Xét yêu cầu của các bên về con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung, điều kiện nuôi con chung của các bên là như nhau (Chị L3 và anh L3 đều chứng minh được bản thân vẫn lao động bình thường, có thu nhập ổn định). Tuy nhiên, xét về tâm sinh lý thì cháu Lỗ Ngọc Gia H, sinh

ngày 20/9/2023 là con gái, chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Do vậy, cần giao cháu Lỗ Ngọc Gia H cho chị L3 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm của cả bố và mẹ nên yêu cầu về đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung của chị L3 là có căn cứ. Tuy nhiên, mức yêu cầu 3.000.000đ/tháng của chị L3 là cao so với thực tế. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của trẻ dưới 18 tuổi cũng như đảm bảo cuộc sống của người không trực tiếp nuôi con thì chỉ cần buộc anh L3 đóng góp từ 1.500.000đ đến 2.000.000đ/tháng là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Chị L3 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và anh L3 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Trần Linh L được ly hôn anh Lỗ Ngọc L1.

2. Xử về con chung: Giao cho chị Trần Linh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lỗ Gia Ngọc H1, sinh ngày 20/9/2023.

Buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 07/2025 đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Trần Linh L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001266 ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô.

Anh Lỗ Ngọc L1 phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS Sông Lô;
- UBND xã Đôn Nhân;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Nga